

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 97/TTr-SNNPTNT ngày 11 tháng 4 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 979/BC-STP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Sở Tư pháp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi là đơn giá trồng rừng thay thế).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

### **Điều 3. Đơn giá trồng rừng thay thế**

1. Rừng tự nhiên là rừng đặc dụng: 176.356.422 đồng/ha.
2. Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ: 160.620.310 đồng/ha.
3. Rừng tự nhiên là rừng sản xuất: 156.396.816 đồng/ha.
4. Rừng trồng: 118.788.096 đồng/ha.

### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng và điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế**

1. Đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Điều 3 Quyết định này là căn cứ để xác định số tiền chủ dự án phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định khi chủ dự án không tự trồng rừng thay thế.

2. Đơn giá trồng rừng thay thế được xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi cần thiết trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc khi có yếu tố giá cả và các yếu tố khác biến động làm tăng hoặc giảm trên 10% so với đơn giá trồng rừng thay thế quy định hiện hành liên tục trong thời gian sáu (06) tháng trở lên.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai công tác trồng rừng thay thế, điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế theo khoản 2 Điều 4 Quyết định này và giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định.

c) Chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định về quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

d) Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát công tác trồng rừng thay thế và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định.

đ) Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tiếp nhận, giải ngân tiền trồng rừng thay thế do các chủ dự án nộp theo quyết định của cấp có thẩm quyền; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế của đơn vị, tổ chức được giao kinh phí trồng rừng thay thế và báo cáo kết quả tiếp nhận và giải ngân nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả Quyết định này đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn, quản lý, sử dụng, thanh toán và kiểm soát chi đối với nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo đơn giá quy định tại Quyết định này và Phương án trồng rừng thay thế, dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế được phê duyệt.

**Điều 6. Quy định chuyển tiếp**

Chủ dự án có Phương án trồng rừng thay thế đã được phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Quyết định số 90/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, nhưng sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chủ dự án chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thì áp dụng đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Quyết định này để xác định lại số tiền trồng rừng thay thế chủ dự án phải nộp.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2024 và thay thế Quyết định số 90/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trịnh Minh Hoàng**